

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN LÂM HÀ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản án số: 09/2021/HNGĐ - ST.

Ngày: 01/02/2021.

V/v: “Không công nhận là vợ chồng”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Tám.

2. Bà Lại Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quốc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 355/2020/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc không công nhận là vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 và quyết định hoãn phiên Tòa số 04/2021/QĐST – HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C. Sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Xóm 4, tổ dân phố S, thị trấn Đ1, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

2. Bị đơn: Anh Đinh Nguyễn Hoàng Thế D. Sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Xóm 4, tổ dân phố S, thị trấn Đ1, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày: Chị chung sống với anh D từ cuối năm 1997, trên cơ sở tình cảm tự nguyện, không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Đến tháng 9/1998 sau khi sinh con đầu lòng thì chị có xin giấy khai đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thủy Vân, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế gửi vào cho chị để chị đi làm giấy khai sinh cho con tại Ủy ban nhân dân thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng. Hai bên không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau một năm thì chị

chuyển vào làm ăn, sinh sống tại thị trấn Đ1, huyện Lâm Hà cho đến nay. Trong thời gian chung sống, do anh D gia trưởng quản lý hết kinh tế gia đình nên hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mỗi lần cần chi tiêu gì thì chị phải xin anh D. Cuộc sống của chị rất căng thẳng, nặng nề không có hạnh phúc. Hai năm trở lại đây mâu thuẫn trầm trọng hơn, chị không còn tình cảm gì với anh D và cũng không muốn chung sống với anh D. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị với anh D là vợ chồng.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Đinh Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 24/8/1998 và cháu Đinh Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 25/02/2003. Hiện nay đối với cháu Q đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường nên khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Đối với cháu K chị đồng ý giao cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị xác định để vợ chồng anh chị tự thỏa thuận giải quyết nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai anh Đinh Nguyễn Hoàng Thế D trình bày:

Anh và chị C xây dựng gia đình với nhau năm 1997, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị đến bây giờ vẫn diễn ra bình thường chứ không xảy ra mâu thuẫn và xô sát gì. Nay chị C yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng với anh thì anh không đồng ý.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Đinh Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 24/8/1998 và cháu Đinh Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 25/02/2003. Hiện nay đối với cháu Q đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường nên khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Đối với cháu K anh yêu cầu được nuôi. Anh không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh xác định để vợ chồng anh chị tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của

chị Nguyễn Thị C. Không công nhận chị Nguyễn Thị C với anh Đinh Nguyễn Hoàng Thế D là vợ chồng. Về con chung đôi với cháu Đinh Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 24/8/1998 đã đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật và phát triển bình thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết. Đối với cháu Đinh Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 25/02/2003 giao cho anh Đinh Nguyễn Hoàng Thế D có trách nhiệm trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Chị Nguyễn Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Chị C, anh D xác định để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau. Vì vậy, không đặt ra để xem xét giải quyết. Về nợ chung: Chị C, anh D xác định vợ chồng không có nợ chung nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn anh Đinh Nguyễn Hoàng Thế D vắng mặt tại phiên Tòa lần thứ 02 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh D theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị C, anh D xây dựng gia đình với nhau năm 1997, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, không đăng ký kết hôn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh thực tế tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ1, huyện Lâm Hà thì chị C, anh D không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị C xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, không còn khả năng cải thiện nên chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa chị với anh D. Anh D cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng vẫn diễn ra bình thường chứ không xảy ra mâu thuẫn gì. Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị C với anh D được xác lập sau ngày 03/01/1987 nhưng không đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị bất đồng với nhau về vấn đề chi tiêu cũng như quản lý kinh tế trong gia đình. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị C với anh Đinh Nguyễn Hoàng Thế D là vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Chị C, anh D xác định vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Đinh Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 24/8/1998 và cháu Đinh Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 25/02/2003. Đối với cháu Q đã đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật và phát triển bình thường nên chị C, anh D không yêu cầu Tòa án

giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết. Đối với cháu Đinh Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 25/02/2003 chị C, anh D thống nhất giao cháu K cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng. Bên cạnh đó hiện nay cháu K đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng được ở với anh D. Vì vậy, cần giao cháu K cho anh D có trách nhiệm trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh D không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Chị C, anh D xác định để vợ chồng anh chị tự thỏa thuận giải quyết với nhau không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Chị C, anh D xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Buộc chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15; Khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị C với anh Đinh Nguyễn Hoàng Thế D là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung là Đinh Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 25/02/2003 cho anh Đinh Nguyễn Hoàng Thế D có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục theo nguyện vọng của con. Chị Nguyễn Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2016/0014802 ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- **Cơ quan đăng ký kết hôn;**
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Dũng